

QUẢN LÝ CÁC GIAO DIỆN HỢP ĐỒNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

KS. Trương Văn Thiện

Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1

Email: thientv@lp1pp.pvn.vn

Tóm tắt

Tham gia vào quá trình đầu tư xây dựng dự án nhà máy nhiệt điện, ngoài công ty dự án (đơn vị đầu tư), còn có các bên liên quan như: đơn vị quản lý hệ thống điện, nhà thầu xây dựng, các nhà cho vay, đơn vị mua điện, đơn vị cung cấp nhiên liệu, đơn vị vận hành và bảo trì nhà máy. Vai trò của từng bên liên quan được xác định thông qua các thỏa thuận, hợp đồng với công ty dự án trên cơ sở phân bổ các nghĩa vụ và rủi ro thực hiện của từng bên. Các hợp đồng được giao kết gồm: thỏa thuận đấu nối với hệ thống điện, hợp đồng xây dựng nhà máy điện, hợp đồng vay vốn, hợp đồng mua bán điện, hợp đồng mua nhiên liệu và hợp đồng vận hành và bảo trì. Sự thành công của dự án phụ thuộc chủ yếu vào việc thực hiện thành công hợp đồng của các bên liên quan và sự quản lý chặt chẽ của công ty dự án đối với các giao diện hợp đồng này.

Bài báo giới thiệu các đặc điểm chính của các hợp đồng trên, nhận diện các vấn đề giao diện và các rủi ro liên quan, đồng thời nêu rõ sự cần thiết quản lý hiệu quả các giao diện hợp đồng trên cơ sở phân bổ hợp lý các rủi ro và áp dụng các chế tài bồi thường thiệt hại.

Từ khóa: Quản lý các giao diện hợp đồng, dự án nhiệt điện.

1. Đặc điểm chính của các hợp đồng

Thỏa thuận đấu nối với hệ thống điện là văn bản có tính ràng buộc pháp lý giữa đơn vị quản lý lưới điện với công ty dự án (đơn vị đầu tư nhà máy điện), quy định quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đến điểm đấu nối, thiết bị đấu nối trong quá trình thực hiện đấu nối, đóng điện điểm đấu nối, nghiệm thu chạy thử và vận hành.

Theo Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn (FIDIC) có 3 dạng hợp đồng xây dựng nhà máy được áp dụng: hợp đồng xây dựng (contract for construction), hợp đồng nhà máy và thiết kế - xây dựng (contract for plant and design build) và hợp đồng EPC. Trong đó, hợp đồng EPC được các công ty dự án và các bên cho vay ưa chuộng và được áp dụng phổ biến khi xây dựng các nhà máy nhiệt điện do 3 đặc điểm chính sau: một đầu mối duy nhất chịu trách nhiệm thực hiện công trình là nhà thầu EPC; giá hợp đồng là trọn gói và ngày hoàn thành công trình được ấn định. Vì vậy, trong bài báo này, hình thức hợp đồng EPC được sử dụng khi đề cập đến hợp đồng xây dựng nhà máy.

Hợp đồng vay vốn là các hợp đồng giữa công ty dự án với các bên cho vay để tài trợ cho nhu cầu vốn của dự án. Các công ty dự án thường tìm kiếm vay vốn thông qua hình thức tài trợ dự án (project financing) từ các khoản vay. Các bên cho vay sẽ đánh giá dòng tiền và thu nhập của dự án như nguồn trả nợ và xem xét các tài sản, các

quyền và lợi ích của công ty dự án như vật thế chấp. Tuy nhiên, ở các nước đang phát triển, tài trợ dự án thường được hỗ trợ bởi sự bảo lãnh của chính phủ hoặc của công ty mẹ của công ty dự án. Để đạt được sự tài trợ cần thiết cho dự án, công ty dự án phải thỏa thuận các hợp đồng vay vốn với các bên cho vay, thường là các tổ chức cho vay đa phương và song phương, các cơ quan tín dụng xuất khẩu và các ngân hàng thương mại ở cả trong nước và nước ngoài. Các nội dung thường được bên cho vay quan tâm và yêu cầu đáp ứng để đánh giá mức độ khả tín của hợp đồng vay vốn: thời gian hoàn thành công trình được xác định; giá thành công trình là cố định; rủi ro công nghệ ở mức thấp hoặc không có; công suất, suất hao nhiệt được bảo đảm; có bồi thường thiệt hại nếu nhà thầu EPC chậm trễ hoàn thành và không đạt thông số vận hành bảo đảm; có bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu EPC; có giới hạn các trường hợp nhà thầu EPC có thể khiếu nại để gia hạn thời gian hoàn thành và phát sinh chi phí. Việc thu xếp vay vốn được tiến hành trong giai đoạn thực hiện đầu tư dự án và thường kéo dài khoảng 2,5 năm đối với các dự án nhà máy nhiệt điện.

Hợp đồng mua bán điện là hợp đồng được giao kết giữa công ty dự án với một công ty điện lực nhà nước (ở Việt Nam là Tập đoàn Điện lực Việt Nam/đơn vị mua buôn duy nhất) về việc mua bán điện giữa hai bên, nhằm bảo đảm dòng tiền thanh toán cho công ty dự án. Hợp đồng mua bán điện có một số đặc điểm chính như sau:

- Việc mua bán điện được thực hiện trên cơ sở mua bán công suất khả dụng và điện năng phát lên lưới điện. Giá điện được tính trên cơ sở khoản phí cố định (phí công suất) để trang trải các chi phí cố định của công ty dự án (gồm thu hồi vốn sở hữu của công ty dự án) và khoản phí biến đổi (phí điện năng) để trang trải các chi phí biến đổi của công ty dự án, chủ yếu là chi phí nhiên liệu;

- Các điều khoản cam kết của các bên:

+ Các cam kết của công ty dự án gồm: (1) có các nỗ lực hợp lý để thu xếp vốn vay cho dự án, (2) có các nỗ lực hợp lý để thương thảo các hợp đồng mua nhiên liệu, xây dựng nhà máy (EPC), (3) có các nỗ lực hợp lý để đạt được các giấy phép từ các cơ quan chính phủ, (4) vận hành nhà máy theo các lệnh điều độ của bên mua và theo tập quán phù hợp của ngành điện;

+ Các cam kết của bên mua gồm: (1) trang bị các phương tiện truyền tải và đấu nối trước hoặc ngay ngày vận hành thương mại; (2) hỗ trợ công ty dự án về các thủ tục xin các giấy phép từ các cơ quan chính phủ; (3) hỗ trợ công ty dự án trong giai đoạn công ty dự án thương thảo và thực hiện các hợp đồng tài trợ dự án; (4) hợp tác với công ty dự án đối với các quyền và nghĩa vụ của công ty theo hợp đồng mua bán điện.

- Đối với vấn đề thanh toán tiền điện: Theo thông lệ, hợp đồng mua bán điện có điều khoản yêu cầu bên mua mở thư tín dụng dự phòng vô điều kiện và không hủy ngang (tại ngân hàng được công ty dự án chấp thuận) nhằm đảm bảo bồi thường thiệt hại ngắn hạn cho công ty dự án trong trường hợp bên mua điện không thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng, chẳng hạn như nợ thanh toán tiền điện quá hạn. Theo đó, điều khoản này của hợp đồng mua bán điện quy định thư tín dụng phải luôn được mở với số tiền bằng khoản tiền điện dự kiến được tính toán cho một giai đoạn ấn định trước;

- Có điều khoản nêu về phương thức thí nghiệm chạy thử để chứng minh các mức công suất, độ tin cậy và suất hao nhiệt theo hợp đồng, được kiểm chứng bởi một đơn vị tư vấn độc lập;

- Có điều khoản đề cập đến việc tác động lên giá điện trong trường hợp thay đổi luật áp dụng và có cơ chế điều chỉnh giá.

Hợp đồng mua nhiên liệu là hợp đồng được giao kết giữa công ty dự án với đơn vị cung cấp nhiên liệu, nhằm đảm bảo nguồn cung cấp nhiên liệu chắc chắn cho dự án. Đối với các nhà máy nhiệt điện chạy tải nền, công ty dự án thường ký hợp đồng mua nhiên liệu dài hạn. Một số đặc điểm chính của hợp đồng mua nhiên liệu:

- Nêu rõ đặc tính kỹ thuật nhiên liệu như: chất lượng thương phẩm của nhiên liệu, giới hạn các chất khoáng trong thành phần nhiên liệu (chẳng hạn lưu huỳnh), nhiệt trị tối thiểu của nhiên liệu, các tiêu chuẩn và quy trình thí nghiệm để kiểm tra đặc tính nhiên liệu;

- Có điều khoản về đo lường nhiên liệu, quy trình xác định lượng nhiên liệu cung cấp, phương pháp giao nhận nhiên liệu và điểm giao nhận;

- Có điều khoản chế tài quy định quyền của bên cung cấp nhiên liệu ngừng cung cấp khi bị nợ thanh toán quá hạn; quyền của công ty dự án từ chối nhận nhiên liệu nếu không đáp ứng đặc tính nhiên liệu theo hợp đồng; và có chế tài bồi thường thiệt hại khi có bên vi phạm các nghĩa vụ giao nhận nhiên liệu.

Hợp đồng vận hành và bảo trì là hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành và bảo trì nhà máy giữa công ty dự án với một đơn vị vận hành. Phạm vi công việc đầy đủ của hợp đồng thường bao gồm: vận hành, bảo dưỡng, quản lý và sửa chữa nhà máy và thay mặt cho công ty dự án vận hành phát điện theo điều độ của bên mua điện. Đặc điểm chính của hợp đồng vận hành và bảo trì gồm:

- Quy định rõ mục tiêu của hợp đồng: bảo đảm nhà máy được vận hành, bảo dưỡng đều đặn và đúng theo các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu bảo hành của nhà chế tạo, đặc biệt đảm bảo chi phí vận hành và bảo trì tối thiểu; đảm bảo lợi nhuận ròng tối ưu của nhà máy theo hợp đồng mua bán điện; tối ưu hóa tuổi thọ hữu dụng của nhà máy, thiết bị; tối ưu hóa thời gian nhà máy vận hành và tạo doanh thu; tối đa hóa độ khả dụng, hiệu suất, công suất và độ tin cậy khởi động của nhà máy để sản xuất điện; vận hành được tổ máy/nhà máy ở các mức tính năng tối ưu và phát điện theo đúng các yêu cầu của hợp đồng mua bán điện; giữ gìn nhà máy ở trạng thái làm việc tốt và ngăn ngừa sự lão hóa sớm của thiết bị; sửa chữa/ khắc phục các hư hại, hỏng hóc của thiết bị nhà máy theo các biện pháp phù hợp được phê duyệt;

- Quy định rõ việc đơn vị vận hành thay mặt cho công ty dự án thực hiện các nghĩa vụ của công ty dự án liên quan đến vận hành và bảo trì nhà máy được quy định tại các hợp đồng mua bán điện và mua nhiên liệu. Ví dụ như: cung cấp các tính toán hệ số khả dụng hàng năm; cùng với bên mua điện xác nhận các chỉ số đồng hồ đo đếm điện năng, cung cấp các thông tin đó cho công ty dự án để lập hóa đơn thanh toán phí điện năng và công suất; xác định công suất tính dự kiến; xác định độ khả dụng và khả năng phát tối đa ngày của tổ máy/nhà máy cho ngày vận hành tiếp theo; tuân thủ các chỉ dẫn vận hành trong

quá trình vận hành bình thường và trong các tình huống khẩn cấp;

- Có điều khoản về sự đảm bảo của đơn vị vận hành về việc đạt được các mức công suất phát, suất hao nhiệt, hệ số khả dụng và các mức phát thải ra môi trường; có quy định cơ chế thưởng khuyến khích (incentive) cho đơn vị vận hành nếu đạt được các tính năng vận hành tổ máy/nhà máy (công suất, hiệu suất, hệ số khả dụng) cao hơn các mức tính năng được quy định; có cơ chế yêu cầu đơn vị vận hành bồi thường thiệt hại nếu các tính năng vận hành thực tế thấp hơn.

Với các đặc điểm hợp đồng nêu trên, để quản lý thực hiện tốt các hợp đồng nhằm đảm bảo sự thành công của dự án, công ty dự án cần chú trọng đến các vấn đề sau:

- + Lựa chọn các nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng (EPC, mua nhiên liệu, vận hành và bảo trì), để kiểm soát và quản lý tốt nhất các rủi ro của họ theo đúng bản chất của từng hợp đồng này;
- + Đưa vào các thỏa thuận, hợp đồng các chế tài bồi thường thiệt hại, nhằm mục đích bù đắp các tổn thất mà bên bị vi phạm gánh chịu do hành vi vi phạm của bên kia;
- + Quản lý hài hòa các giao diện giữa các hợp đồng.

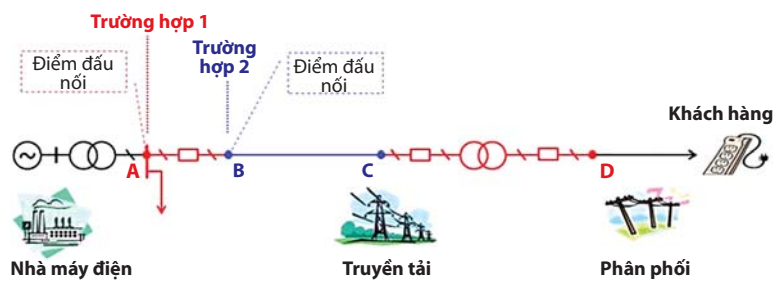
Việc quản lý hài hòa các giao diện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở phân bổ hợp lý các rủi ro giữa các hợp đồng và áp dụng các chế tài bồi thường thiệt hại một cách tương thích giữa các hợp đồng, như được trình bày ở phần tiếp theo của bài báo.

2. Quản lý các giao diện hợp đồng

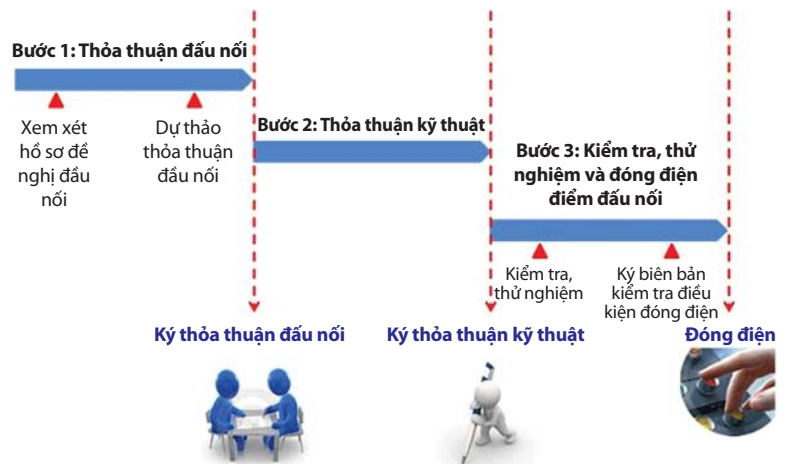
2.1. Vấn đề giao diện với hệ thống điện

2.1.1. Thủ tục đấu nối

Trách nhiệm của các bên liên quan đến việc đấu nối nhà máy điện với hệ thống điện (giữa công ty dự án với đơn vị quản lý lưới điện, giữa công ty dự án với nhà thầu EPC) được phân định trên cơ sở xác định điểm đấu nối. Thông thường, có 2 trường hợp điểm đấu nối (Hình 1): (1) điểm đấu nối là giao cách ly phía cao áp của máy biến áp tăng áp của nhà máy



Hình 1. Xác định ranh giới điểm đấu nối giữa nhà máy điện và lưới điện



Hình 2. Các bước thỏa thuận đấu nối (nguồn: www.npt.com.vn)

điện (khi sân phân phối nhà máy điện đấu nối với nhà máy điện khác hoặc với lưới điện của đơn vị phân phối điện); (2) điểm đấu nối là giao cách ly đầu vào của ngăn lộ đầu vào thanh cái của sân phân phối nhà máy điện (khi sân phân phối nhà máy điện chỉ đấu nối với lưới điện truyền tải). Các bước thỏa thuận thủ tục đấu nối và thực hiện đấu nối được trình bày ở Hình 2.

Theo quy định hiện hành của Việt Nam, điểm đấu nối nhà máy điện với hệ thống điện được xác định trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi (dự án đầu tư xây dựng công trình) và được đưa vào thỏa thuận đấu nối ký giữa công ty dự án và đơn vị quản lý lưới điện (Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia và Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia). Thỏa thuận đấu nối là cơ sở để công ty dự án tiến hành đàm phán hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam/đơn vị mua buôn duy nhất.

Trong giai đoạn lập thiết kế kỹ thuật, khi đã xác định rõ hơn các đặc tính kỹ thuật của vật tư thiết bị (ví dụ như: phối hợp role bảo vệ so lệch, kết nối thông tin, quy cách dây dẫn, phụ kiện điểm đấu nối), công ty dự án hoàn thiện hồ sơ đề nghị đấu nối gửi đơn vị quản lý lưới điện để thống nhất và ký thỏa thuận kỹ thuật. Các nội dung của thỏa thuận kỹ thuật sẽ được công ty dự án đưa vào hồ sơ mời thầu EPC để nhà thầu EPC chào các vật tư, thiết bị đáp ứng các yêu cầu đặc tính kỹ thuật đã được thống nhất với đơn vị quản lý lưới điện. Trong quá trình đàm phán hợp đồng EPC nếu có các sai lệch kỹ thuật so với thỏa thuận kỹ thuật, công ty dự án cần thỏa thuận lại với đơn vị quản lý lưới điện trước khi thống nhất với nhà thầu EPC.

Phạm vi công việc thực hiện đấu nối, kiểm tra, thử nghiệm và đóng điện điểm đấu nối thuộc trách nhiệm của công ty dự án theo các thỏa thuận đấu nối và thỏa thuận kỹ thuật với đơn vị quản lý lưới điện, nên được công ty dự án chuyển thành phạm vi công việc của nhà thầu EPC theo hợp đồng EPC.

2.1.2. Trách nhiệm xây dựng lưới điện đồng bộ

Việc đầu tư xây dựng lưới điện đồng bộ đấu nối với nhà máy điện thuộc nghĩa vụ của đơn vị quản lý lưới điện theo các thỏa thuận đấu nối và thỏa thuận kỹ thuật ký với công ty dự án. Công ty dự án cần được đảm bảo bằng sự cam kết của đơn vị quản lý lưới điện về việc hoàn thành lưới điện đồng bộ phù hợp với mốc tiến độ về sự sẵn sàng của lưới điện mà công ty dự án cam kết với nhà thầu EPC tại hợp đồng EPC. Việc chậm trễ hoàn thành lưới điện đồng bộ sẽ không thực hiện được việc nghiệm thu đóng điện sân phân phối, máy biến áp và không nhận được điện từ lưới điện để thử nghiệm các hệ thống, thiết bị nhà máy, dẫn đến không thể hòa đồng bộ tổ máy phát điện với hệ thống điện. Sự chậm trễ thuộc lỗi của đơn vị quản lý lưới điện này sẽ cấu thành nguyên nhân để nhà thầu EPC khiếu nại về việc gia hạn thời gian hoàn thành và phát sinh chi phí theo hợp đồng EPC, đồng thời ảnh hưởng đến việc giải ngân và thời gian trả nợ theo hợp đồng vay vốn. Vì vậy, đối với trường hợp vi phạm này, công ty dự án cần đưa ra cơ chế bồi thường thiệt hại để thống nhất với đơn vị quản lý lưới điện/đơn vị mua điện.

2.1.3. Bảo đảm cho nhà thầu EPC phát điện lên hệ thống điện

Trách nhiệm bảo đảm cho nhà thầu EPC phát điện lên hệ thống điện gồm: bảo đảm lưới điện sẵn sàng, bảo đảm lưới điện có khả năng truyền tải hết công suất phát từ tổ máy, bảo đảm hệ thống điện cho phép nhà thầu EPC phát điện theo thời gian đăng ký và không hạn chế công suất phát điện theo chương trình thí nghiệm chạy thử của nhà thầu EPC đã được thống nhất. Đây là các nghĩa vụ mà công ty dự án phải đảm bảo cho nhà thầu EPC theo hợp đồng EPC. Vì vậy, khi thỏa thuận đấu nối và đàm phán hợp đồng mua bán điện, công ty dự án cần đưa ra các nghĩa vụ ràng buộc tương ứng đối với đơn vị quản lý lưới điện/đơn vị mua điện.

2.2. Vấn đề quản lý chi phí xây dựng phát sinh

2.2.1. Phát sinh chi phí xây dựng do thay đổi luật

Khi lựa chọn hình thức hợp đồng EPC, công ty dự án chuyển giao các rủi ro trong quá trình thực hiện sang cho nhà thầu EPC. Với việc cam kết về chi phí thực hiện

trọn gói, thời điểm hoàn thành và trị số các thông số vận hành nhà máy, nhà thầu EPC chịu các rủi ro về tăng chi phí xây dựng công trình trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, có một số trường hợp ngoại lệ như thay đổi luật áp dụng (chẳng hạn, nếu có quy định mới của Chính phủ yêu cầu nghiêm ngặt hơn về môi trường) làm thay đổi yêu cầu đặc tính kỹ thuật và làm tăng chi phí xây dựng thì nhà thầu EPC không chịu chi phí phát sinh này. Theo thông lệ đối với rủi ro này (thay đổi luật), công ty dự án chuyển sang cho bên mua điện gánh chịu theo hợp đồng mua bán điện. Theo đó, công ty dự án chịu chi phí phát sinh cho nhà thầu EPC theo hợp đồng EPC và thu hồi lại qua việc tăng phí công suất theo hợp đồng mua bán điện.

2.2.2. Phát sinh chi phí do trường hợp bất khả kháng

Hợp đồng EPC có điều khoản phát sinh chi phí cho nhà thầu EPC trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Do đó, công ty dự án phải gánh chịu rủi ro tài chính này hoặc có thể tìm kiếm việc mua bảo hiểm cho rủi ro đó.

2.3. Vấn đề bồi thường thiệt hại

Khi có hành vi vi phạm hợp đồng, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm. Các hợp đồng thương mại, xây dựng quốc tế như hợp đồng EPC mẫu của FIDIC hoặc các hợp đồng mua bán điện và mua nhiên liệu theo hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới đều chỉ áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại chứ không áp dụng cả chế tài phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại như đề cập tại các văn bản pháp luật hiện nay của Việt Nam. Theo hệ thống pháp luật của nhiều nước, chẳng hạn theo Luật của Anh, một điều khoản hợp đồng sẽ bị xem như vô hiệu nếu được phát hiện là mang tính chất phạt vi phạm (Penalty), vì vậy, chỉ áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại (liquidated damages). Khoản tiền bồi thường thiệt hại là giá trị ước tính hợp lý các thiệt hại (cách tính giá trị này khi được một bên đưa ra, cần được giải thích một cách chi tiết và rõ ràng để chứng minh cho bên kia về tính hợp lý để thống nhất đưa vào hợp đồng) mà bên bị vi phạm gánh chịu do hành vi vi phạm của bên kia và được các chủ thể tham gia hợp đồng thống nhất trước khi giao kết hợp đồng. Khi xảy ra trường hợp vi phạm, bên bị vi phạm được nhận khoản tiền bồi thường thiệt hại theo hợp đồng mà không cần phải chứng minh thiệt hại trên thực tế. Chế tài bồi thường thiệt hại nêu trên có khác so với chế tài bồi thường thiệt hại quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3.1. Bồi thường thiệt hại do chậm trễ hoàn thành

- Chậm trễ do lỗi nhà thầu EPC

Do cam kết thời điểm hoàn thành, nên nhà thầu EPC phải trả tiền bồi thường thiệt hại cho công ty dự án nếu chậm trễ, không hoàn thành dự án đúng tiến độ. Thông thường, ở các dự án nhiệt điện, khoản tiền bồi thường thiệt hại chậm trễ cho công ty dự án được tính gồm: (i) thiệt hại lợi nhuận của công ty dự án (tính bằng 10% doanh thu bán điện cho mỗi ngày chậm trễ), (ii) lãi suất khoản vốn đã đầu tư tính cho mỗi ngày chậm trễ, và (iii) chi phí giám sát, quản lý dự án của công ty dự án cho mỗi ngày chậm trễ. Giá trị bồi thường thiệt hại này sẽ được công ty dự án tính toán và thống nhất với nhà thầu EPC trước khi ký hợp đồng EPC.

Như vậy, khoản tiền bồi thường thiệt hại nhận được từ nhà thầu EPC sẽ được công ty dự án trả lãi suất trong giai đoạn dự án bị kéo dài, thanh toán các thiệt hại của bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện và trang trải các chi phí trực tiếp (quản lý dự án) mà công ty dự án gánh chịu.

Về thiệt hại của bên mua điện khi xảy ra chậm trễ so với ngày vận hành thương mại cam kết, hợp đồng mua bán điện mẫu (ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BCT ngày 14/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương) đưa ra điều khoản “Phạt chậm ngày vận hành thương mại” quy định bên bán (công ty dự án) trả khoản tiền phạt chậm tính bằng phí công suất cho mỗi MW cho mỗi ngày chậm trễ. Quy định này không hợp lý và không dựa trên cơ sở tính toán các thiệt hại mà bên mua điện gánh chịu. Theo tài liệu hướng dẫn về hợp đồng mua bán điện của Ngân hàng Thế giới [1], khoản tiền bồi thường thiệt hại trong trường hợp này cần phản ánh các thiệt hại thực tế dự kiến bên mua gánh chịu, chẳng hạn như lãi suất khoản vốn bên mua đã đầu tư cho lưới điện đấu nối đồng bộ. Ngoài ra, các bên cho vay cũng quan tâm đến khoản bồi thường thiệt hại theo hợp đồng mua bán điện để đánh giá mức độ ảnh hưởng đến hệ số thu hồi nợ. Vì vậy, khi đàm phán hợp đồng mua bán điện, công ty dự án cần đàm phán thay đổi điều khoản “Phạt chậm ngày vận hành thương mại” thành “bồi thường thiệt hại do chậm ngày vận hành thương mại” theo đúng thông lệ quốc tế và thống nhất cách thức tính một cách hợp lý.

- Chậm trễ do lỗi bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện

Hợp đồng mua bán điện mẫu có điều khoản phạt chậm ngày vận hành thương mại đối với bên bán, tuy nhiên lại không có điều khoản chế tài trong trường hợp

đơn vị quản lý lưới điện không hoàn thành lưới điện vào thời điểm đấu nối hoặc hệ thống điện hạn chế công suất phát của tổ máy, dẫn đến việc kéo dài thời gian hoàn thành tổ máy/nhà máy. Trong khi đó, theo tài liệu [1], hợp đồng mua bán điện cần có điều khoản bồi thường thiệt hại yêu cầu bên mua điện phải trả phí công suất trong trường hợp tổ máy/nhà máy không vận hành thương mại đúng tiến độ do lỗi của bên mua điện vi phạm các nghĩa vụ. Phí công suất trong trường hợp này được tính trên cơ sở trả lãi vay mà công ty dự án phải trả cho các nhà cho vay, có xem xét đến các yêu cầu thu hồi vốn của các cổ đông góp vốn. Đây là nội dung công ty dự án cần lưu ý khi đàm phán hợp đồng mua bán điện.

- Chậm trễ do lỗi đơn vị cấp nhiên liệu

Trường hợp chậm trễ hoàn thành do thiếu nhiên liệu trong quá trình thí nghiệm chạy thử, đơn vị cung cấp nhiên liệu hoặc các mắt xích chính trong dây chuyền cung cấp (chẳng hạn như đơn vị quản lý vận hành cảng, đường ống...) phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty dự án. Việc đơn vị cung cấp nhiên liệu chấp nhận rủi ro ở mức độ nào phụ thuộc vào bản chất của loại hợp đồng cung cấp. Công ty dự án thường mong muốn mức bồi thường thiệt hại chậm trễ thuộc hợp đồng mua nhiên liệu đủ để thu hồi phí công suất, nhưng đơn vị cung cấp nhiên liệu không chấp nhận mức cao này, do đó công ty dự án buộc phải chấp nhận một phần rủi ro tài chính.

- Chậm trễ do trường hợp bất khả kháng

Bất khả kháng là các sự kiện, tình huống nằm ngoài khả năng kiểm soát của các chủ thể hợp đồng. Vấn đề này cần được xử lý hài hòa giữa các hợp đồng: EPC, mua nhiên liệu và mua bán điện. Ví dụ, khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, công ty dự án sẽ được miễn trách nhiệm hoàn thành nhà máy theo tiến độ cam kết tại hợp đồng mua bán điện nếu nhà thầu EPC được miễn trách nhiệm hoàn thành nhà máy theo tiến độ cam kết tại hợp đồng EPC. Tuy nhiên, các bên cho vay hiếm khi đồng ý cho hoãn trả lãi vay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, cần xem xét, phân bổ rủi ro cho các bên liên quan tùy thuộc vào loại sự kiện bất khả kháng, chẳng hạn nếu là các sự kiện chính trị thì rủi ro nên phân bổ cho bên mua điện và/hoặc chính phủ, các sự kiện đình công thuộc rủi ro của nhà thầu, còn các sự kiện thiên tai có thể được công ty dự án mua bảo hiểm.

2.3.2. Bồi thường thiệt hại do không đạt trị số thông số vận hành bảo đảm

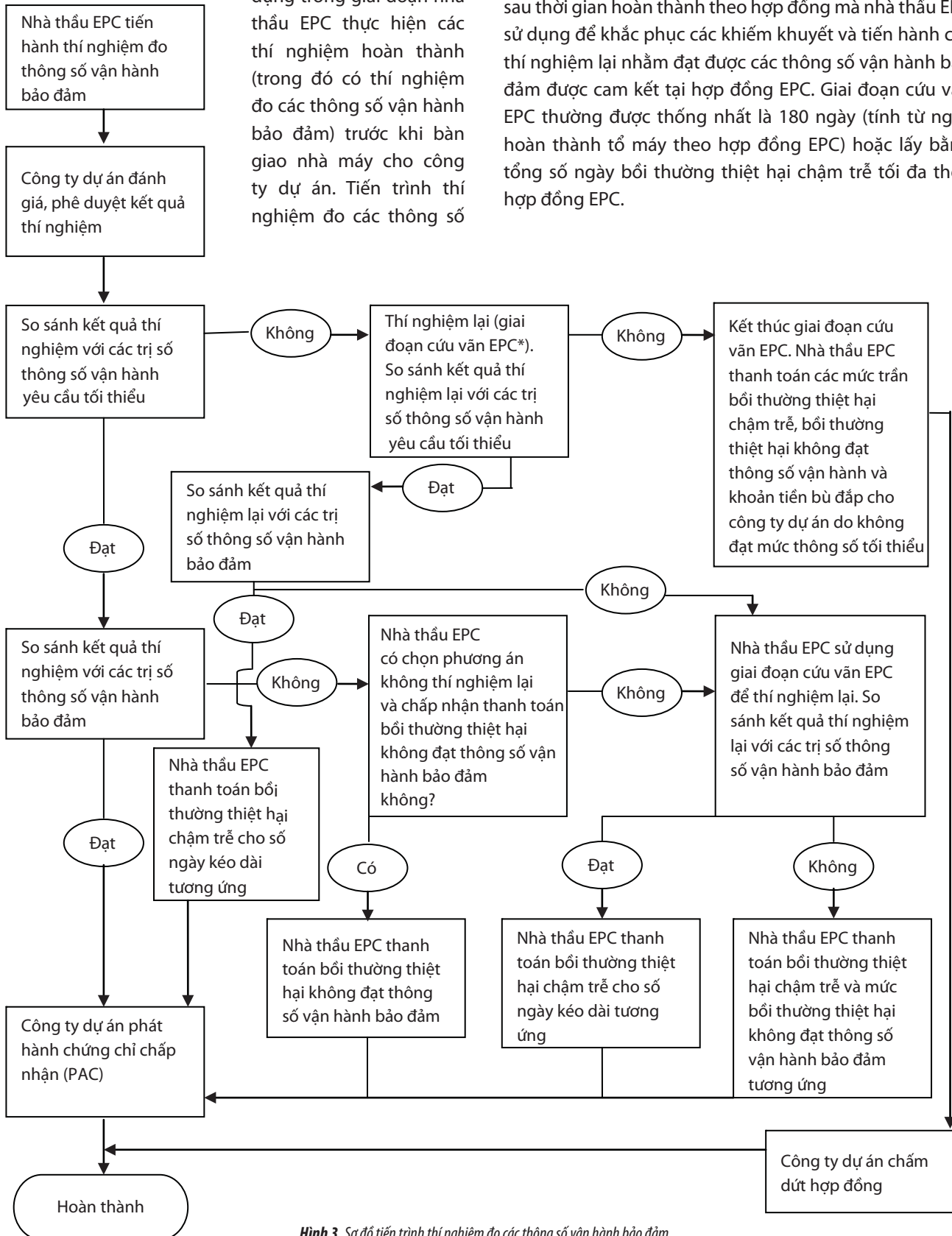
Đối với các nhà máy nhiệt điện, bồi thường thiệt hại do không đạt thông số vận hành bảo đảm gồm: bồi

thường thiệt hại do không đạt suất hao nhiệt tinh bảo đảm và bồi thường thiệt hại do không đạt công suất tinh bảo đảm. Điều khoản bồi thường thiệt hại này được vận

dụng trong giai đoạn nhà thầu EPC thực hiện các thí nghiệm hoàn thành (trong đó có thí nghiệm đo các thông số vận hành bảo đảm) trước khi bàn giao nhà máy cho công ty dự án. Tiến trình thí nghiệm đo các thông số

vận hành bảo đảm và áp dụng các chế tài theo hợp đồng EPC (Hình 3).

Giai đoạn cứu vãn EPC (*EPC cure period*) là giai đoạn sau thời gian hoàn thành theo hợp đồng mà nhà thầu EPC sử dụng để khắc phục các khiếm khuyết và tiến hành các thí nghiệm lại nhằm đạt được các thông số vận hành bảo đảm được cam kết tại hợp đồng EPC. Giai đoạn cứu vãn EPC thường được thống nhất là 180 ngày (tính từ ngày hoàn thành tổ máy theo hợp đồng EPC) hoặc lấy bằng tổng số ngày bồi thường thiệt hại chậm trễ tối đa theo hợp đồng EPC.



Hình 3. Sơ đồ tiến trình thí nghiệm đo các thông số vận hành bảo đảm

Khoản tiền bồi thường thiệt hại do không đạt trị số thông số vận hành bảo đảm thường được tính theo các phương pháp như: xác định giá trị hiện tại của khoản chi phí nhiên liệu mà công ty dự án phải gánh chịu thêm (do suất hao nhiệt cao hơn) qua toàn bộ đời sống kinh tế của nhà máy, hoặc xác định khoản tiền cần giảm trừ từ tổng giá trị đã đầu tư (đã “trả quá” cho nhà máy điện không đạt được thông số vận hành bảo đảm) để giữ giá điện bán ra không thay đổi. Theo đó, khoản tiền bồi thường thiệt hại do không đạt suất hao nhiệt tinh bảo đảm được tính bằng giá trị hiện tại của chi phí nhiên liệu bổ sung qua toàn bộ đời sống kinh tế nhà máy, hoặc bằng khoản khấu trừ giá trị hợp đồng EPC tương ứng để giữ giá điện không thay đổi, với số tiền bồi thường được tính cho mỗi đơn vị suất hao nhiệt (kJ/kWh) cao hơn. Còn khoản tiền bồi thường thiệt hại do không đạt công suất tinh bảo đảm được tính bằng khoản khấu trừ giá trị hợp đồng EPC ứng với mỗi kW giảm thấp hơn để thu hồi vốn đầu tư (bằng giá trị hợp đồng EPC/trị số công suất bảo đảm), cộng với khoản thiệt hại lợi nhuận của công ty dự án (tính bằng giá trị hiện tại của 10% doanh thu bán 1kW điện qua toàn bộ đời sống kinh tế nhà máy) và cộng với bất kỳ khoản phải trả nào theo hợp đồng mua bán điện (chẳng hạn khoản thiệt hại do bên mua điện phải tìm nguồn điện khác để bổ sung cho phần công suất thiếu hụt), với số tiền bồi thường được tính cho mỗi đơn vị công suất (kW) thấp hơn. Như vậy, các khoản bồi thường thiệt hại này có thể đảm bảo cho công ty dự án xác định lại giá trị đầu tư, các khoản vốn vay, trả các thiệt hại của bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện, trên cơ sở vẫn đảm bảo hiệu quả kinh tế của dự án.

Ngoài ra, đối với các nhà máy nhiệt điện, công ty dự án còn đưa ra các mức thông số vận hành yêu cầu tối thiểu (là mức mà nhà máy điện còn đem lại hiệu quả kinh tế sau khi nhận các khoản bồi thường thiệt hại) như sau:

Suất hao nhiệt tinh yêu cầu tối thiểu = Suất hao nhiệt tinh bảo đảm + 5%

Công suất tinh yêu cầu tối thiểu = Công suất tinh bảo đảm - 5%

Nếu nhà thầu không đạt các mức thông số vận hành yêu cầu tối thiểu này, công ty dự án có quyền chấm dứt hợp đồng, nhận các khoản bồi thường thiệt hại và khấu trừ thêm một khoản bù đắp tương ứng.

Ở các nước, mức thông số vận hành yêu cầu tối thiểu cũng được thống nhất đưa vào hợp đồng mua bán điện và nếu thông số vận hành thực tế thấp hơn mức yêu cầu tối thiểu, bên mua sẽ từ chối nghĩa vụ thanh toán phí công suất. Chẳng hạn, theo thỏa thuận tại hợp đồng EPC

và hợp đồng mua bán điện, công suất tinh cam kết của tổ máy là 600MW và suất hao nhiệt tinh cam kết là 9.288kJ/kWh nhưng nếu kết quả thí nghiệm đo thông số vận hành bảo đảm chỉ đạt công suất tinh 500 MW và suất hao nhiệt tinh 10.000kJ/kWh thì bên mua điện sẽ từ chối trả phí công suất do giá thành điện quá cao (chi phí nhiên liệu cao). Vì vậy, công ty dự án cần lưu ý vấn đề này trong quá trình đàm phán các hợp đồng EPC và mua bán điện. Tuy vậy, ở Việt Nam hiện nay hợp đồng mua bán điện mẫu chưa có điều khoản về mức thông số vận hành yêu cầu tối thiểu và điều khoản yêu cầu công ty dự án bồi thường thiệt hại không đạt thông số vận hành.

2.4. Vấn đề sử dụng nhiên liệu

Nhiên liệu cung cấp có ảnh hưởng quyết định đến hiệu quả vận hành nhà máy nhiệt điện do chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất điện. Vì vậy, các bên cho vay rất chú trọng đến các rủi ro liên quan đến nhiên liệu và cách quản lý cũng như giảm thiểu các rủi ro này, trước khi quyết định tài trợ cho dự án. Họ đánh giá mức độ tin cậy và tín nhiệm của đơn vị cung cấp nhiên liệu, sự phù hợp về số lượng và chất lượng của nguồn cung cấp nhiên liệu, sự hiện diện của các nhà cung cấp thay thế trên thị trường, các hậu quả của việc không cung cấp nhiên liệu (trường hợp đó có phải là sự kiện bất khả kháng theo hợp đồng mua bán điện) và các rủi ro vận chuyển, lưu trữ nhiên liệu. Các mức bồi thường thiệt hại theo hợp đồng mua nhiên liệu cũng được các bên cho vay đánh giá kỹ.

Ngoài ra, các bên cho vay còn xem xét điều khoản về trường hợp bất khả kháng theo hợp đồng mua nhiên liệu có được phản ánh thích hợp trong điều khoản bất khả kháng ở hợp đồng mua bán điện, để đảm bảo không có khoảng trống của việc phân bổ các rủi ro nhiên liệu giữa các bên liên quan. Chẳng hạn, nếu đơn vị cung cấp nhiên liệu được miễn nghĩa vụ cung cấp nhiên liệu theo hợp đồng mua nhiên liệu do các hành động của chính phủ thì các bên cho vay thường cho rằng sự không khả dụng của nhiên liệu trong trường hợp này nên là sự kiện bất khả kháng chính trị đối với công ty dự án theo hợp đồng mua bán điện.

Đối với các bên liên quan khác như công ty dự án, nhà thầu EPC, đơn vị mua điện, thì các rủi ro về đặc tính nhiên liệu, về lượng nhiên liệu cung cấp... cũng cần được đánh giá và quản lý một cách hợp lý. Nếu cung cấp nhiên liệu có đặc tính sai khác với các đặc tính nhiên liệu yêu cầu sẽ dẫn đến hậu quả là nhà thầu EPC khiếu nại chi phí phát sinh, kéo dài thời gian hoàn thành hoặc tranh cãi về kết quả đo thông số vận hành bảo đảm, còn về phía công ty dự án

sẽ không vận hành được nhà máy ở các mức tính năng thiết kế. Việc cung cấp nhiên liệu không đủ khối lượng sẽ dẫn đến nhà thầu EPC không hoàn thành công tác thí nghiệm chạy thử đúng thời hạn trong giai đoạn xây dựng nhà máy hoặc công ty dự án không vận hành được ở mức công suất khả dụng công bố trong giai đoạn vận hành thương mại. Các rủi ro này cần được quản lý thông qua các chế tài bồi thường thiệt hại khi có bên vi phạm nghĩa vụ giao nhận nhiên liệu. Chẳng hạn, nếu công ty dự án buộc phải giảm công suất khả dụng công bố hoặc chịu các khoản phạt hay chi phí theo hợp đồng mua bán điện do thiếu hụt nhiên liệu, bên cung cấp phải trả cho công ty dự án khoản tiền bồi thường thiệt hại. Nếu công ty dự án không nhận nhiên liệu theo thời gian và khối lượng đã được thống nhất trong vòng (*số ngày được hai bên thống nhất*) kể từ ngày dự kiến nhận ban đầu, công ty dự án phải trả khoản tiền bồi thường thiệt hại cho bên cung cấp.

Trong giai đoạn nghiệm thu chạy thử của hợp đồng EPC, trường hợp công ty dự án không tiếp nhận, bốc dỡ hết nhiên liệu cung cấp trong khoảng thời gian thống nhất theo hợp đồng mua bán nhiên liệu do lỗi của hệ thống thiết bị nhà máy (chưa được nhà thầu EPC bàn giao cho công ty dự án), công ty dự án cần chuyển khoản bồi thường thiệt hại (mà họ phải chịu theo hợp đồng mua nhiên liệu) sang cho nhà thầu EPC gánh chịu trên cơ sở đưa vào hợp đồng EPC điều khoản bồi thường thiệt hại tương ứng. Thông thường, khoản bồi thường thiệt hại trong giai đoạn này được tính bằng chi phí lưu tàu đối với nhiên liệu than hoặc đối với khí thiên nhiên thì tính bằng % (chẳng hạn 10%) giá trị phần nhiên liệu không tiếp nhận.

2.5. Vấn đề thống nhất áp dụng các tiêu chuẩn

2.5.1. Tiêu chuẩn môi trường

Một trong những vấn đề quan trọng được xem xét trước khi phê duyệt dự án nhà máy nhiệt điện là đánh giá các tác động như: khói thải, nước thải, chất thải rắn... đến môi trường xung quanh và áp dụng các biện pháp để giảm thiểu các tác động này xuống mức cho phép theo quy định của tiêu chuẩn môi trường áp dụng. Đối với các dự án nhiệt điện ở Việt Nam, báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập trên cơ sở áp dụng và đáp ứng các yêu cầu của các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường.

Trường hợp dự án được tài trợ từ các nguồn vốn vay nước ngoài, các tổ chức cho vay thường yêu cầu đáp ứng một số tiêu chuẩn quốc tế về môi trường (chẳng hạn tiêu chuẩn về môi trường của Ngân hàng Thế giới) trước khi chấp thuận cho vay. Vì vậy, công ty dự án cần tham khảo các nội dung quy định của các tiêu chuẩn môi trường

nước ngoài mà các tổ chức tín dụng thường yêu cầu để trong quá trình đàm phán vay vốn, thống nhất với các nhà cho vay về tiêu chuẩn môi trường áp dụng và sau đó đàm phán, thống nhất với nhà thầu EPC (nếu các tiêu chuẩn này yêu cầu nghiêm ngặt hơn các Quy chuẩn Việt Nam) trước khi ký hợp đồng EPC.

2.5.2. Tiêu chuẩn nhiên liệu

Trong quá trình giao nhận nhiên liệu theo hợp đồng mua nhiên liệu giữa công ty dự án với đơn vị cung cấp và theo hợp đồng EPC giữa công ty dự án với nhà thầu EPC, cần tiến hành lấy mẫu, thí nghiệm và phân tích để đánh giá, xác nhận tính đáp ứng của nhiên liệu cung cấp. Trong quá trình vận hành phát điện theo hợp đồng mua bán điện và hợp đồng vận hành và bảo trì, cần phân tích nhiên liệu để tính toán chi phí nhiên liệu trong giá thành điện.

Hiện có nhiều tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài về lấy mẫu, thí nghiệm, phân tích, đo lường (khối lượng và nhiệt trị) nhiên liệu. Do đó để có sự thống nhất về số liệu và kết quả đo, công ty dự án cần thống nhất với các bên liên quan việc áp dụng các tiêu chuẩn về nhiên liệu tại các hợp đồng mua nhiên liệu, mua bán điện và vận hành và bảo trì.

2.5.3. Tiêu chuẩn thí nghiệm đo các thông số vận hành bảo đảm

Sau khi hoàn thành lắp đặt nhà máy điện và trước khi nhà thầu EPC bàn giao cho công ty dự án tiếp nhận để bắt đầu vận hành thương mại, nhà thầu EPC phải thực hiện thí nghiệm đo thông số vận hành bảo đảm để chứng minh các thông số vận hành (công suất tinh, suất hao nhiệt tinh) của tổ máy/nhà máy đạt được các mức bảo đảm theo hợp đồng EPC. Thí nghiệm này thường được một đơn vị tư vấn độc lập chứng kiến và chứng nhận kết quả để xác nhận sự hoàn thành của nhà thầu EPC theo hợp đồng EPC, đồng thời phục vụ cho việc thanh toán phí công suất cho công ty dự án theo hợp đồng mua bán điện.

Để có cơ sở thực hiện thí nghiệm đo các thông số vận hành bảo đảm cho các nhà máy nhiệt điện, các tiêu chuẩn được áp dụng phổ biến trên thế giới hiện nay là các tiêu chuẩn từ bộ tiêu chuẩn thí nghiệm PTC (Performance test codes) do tổ chức American Society of Mechanical Engineers - ASME (Mỹ) ban hành. Bộ tiêu chuẩn PTC không đề cập cách thức thí nghiệm chi tiết cho mọi cấu hình nhà máy điện mà đưa ra các hướng dẫn chung. Vì vậy, công ty dự án cần cụ thể hóa các yêu cầu của các tiêu chuẩn PTC cho phù hợp với cấu hình nhà máy, với các điều kiện và yêu cầu thí nghiệm của mình và thống nhất với các bên liên quan khi đàm phán các hợp đồng EPC và hợp đồng mua bán điện.

2.6. Vấn đề giao diện trong giai đoạn chuẩn bị vận hành thương mại

2.6.1. Chương trình, lịch thí nghiệm chạy thử

Để công tác thí nghiệm chạy thử nhà máy được tiến hành thuận lợi, ngay từ giai đoạn đàm phán hợp đồng EPC, công ty dự án cần thống nhất với nhà thầu EPC chương trình thí nghiệm chạy thử tổng thể, thể hiện rõ khối lượng nhiên liệu tiêu thụ và lượng điện năng dự kiến sản xuất. Chương trình này cũng cần được công ty dự án thống nhất với bên mua điện để đưa vào hợp đồng mua bán điện.

Trong giai đoạn thí nghiệm chạy thử, nhà thầu EPC, thông qua công ty dự án, cần đăng ký chương trình thí nghiệm chạy thử cụ thể cho từng giai đoạn phù hợp với chương trình tổng thể đã thống nhất tại các hợp đồng. Tuy nhiên, khi triển khai thực tế chỉ cần một thiết bị có trở ngại bất thường là phải xây dựng, điều chỉnh lại toàn bộ kế hoạch thử nghiệm. Vì vậy, công ty dự án, nhà thầu EPC và các đơn vị quản lý, điều độ hệ thống điện cần phối

hợp chặt chẽ để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thí nghiệm trong giai đoạn này.

2.6.2. Nhiên liệu sử dụng trong quá trình thí nghiệm chạy thử

Cung cấp nhiên liệu trong giai đoạn thí nghiệm chạy thử nhà máy cần được chú trọng và quản lý chặt chẽ. Đơn vị cung cấp nhiên liệu cần cung cấp nhiên liệu có đặc tính gần giống với đặc tính nhiên liệu thiết kế (performance fuel) đã được thống nhất tại các hợp đồng mua nhiên liệu và hợp đồng EPC, để nhà thầu EPC thực hiện thí nghiệm đo các thông số vận hành nhà máy bảo đảm. Nếu cấp nhiên liệu sai khác nhiều so với đặc tính nhiên liệu thiết kế sẽ dẫn đến sự không thống nhất giữa công ty dự án và nhà thầu EPC về đánh giá kết quả thí nghiệm đo các thông số vận hành bảo đảm do có một số đặc tính nhiên liệu sai khác không thể áp dụng đặc tuyến hoặc hệ số hiệu chỉnh cho công suất tinh và/hoặc suất hao nhiệt tinh.

Ngoài ra, nếu hợp đồng EPC đưa ra các thí nghiệm có yêu cầu các loại hoặc chất lượng nhiên liệu đặc trưng, ví dụ

Bảng 1. Quản lý và phân bổ các rủi ro

Rủi ro	Nguyên nhân	Cách thức quản lý, phân bổ
Phát sinh chi phí xây dựng	Trong tầm kiểm soát của nhà thầu EPC	Nhà thầu EPC gánh chịu rủi ro thông qua hợp đồng trọn gói.
	Ngoài tầm kiểm soát của nhà thầu EPC:	
	Thay đổi luật, tăng thuế	Công ty dự án gánh chịu theo hợp đồng EPC nhưng thu hồi qua việc tăng phí công suất theo hợp đồng mua bán điện.
	Trường hợp bất khả kháng	Rủi ro của nhà bảo hiểm nếu có thu xếp bảo hiểm. Khi số tiền bảo hiểm không bù đắp đủ chi phí phát sinh, công ty dự án sẽ gánh chịu phần rủi ro tài chính này.
Chậm trễ hoàn thành	Trong tầm kiểm soát của nhà thầu EPC	Nhà thầu EPC thanh toán khoản bồi thường thiệt hại. Khi vượt quá mức trần bồi thường thiệt hại theo hợp đồng EPC, công ty dự án sẽ gánh chịu phần rủi ro tài chính này.
	Ngoài tầm kiểm soát của nhà thầu EPC:	
	Trong tầm kiểm soát của bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện	Bên mua điện thanh toán khoản bồi thường thiệt hại. Khi khoản bồi thường thiệt hại theo hợp đồng mua bán điện không đủ khắc phục hậu quả, công ty dự án sẽ gánh chịu phần rủi ro tài chính này.
	Trong tầm kiểm soát của đơn vị cung cấp nhiên liệu theo hợp đồng mua nhiên liệu	Bên bán nhiên liệu thanh toán khoản bồi thường thiệt hại. Khi khoản bồi thường thiệt hại theo hợp đồng mua nhiên liệu không đủ khắc phục hậu quả, công ty dự án sẽ gánh chịu phần rủi ro tài chính này.
	Trường hợp bất khả kháng	Rủi ro của nhà bảo hiểm nếu sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm. Khi số tiền bảo hiểm không đủ khắc phục hết hậu quả, công ty dự án sẽ gánh chịu phần rủi ro tài chính này.
Không đạt thông số vận hành bảo đảm	Nhà thầu EPC không đạt công suất tinh và/hoặc suất hao nhiệt tinh bảo đảm nhưng đạt các thông số vận hành yêu cầu tối thiểu.	Nhà thầu EPC thanh toán khoản bồi thường thiệt hại.
	Nhà thầu EPC không đạt công suất tinh và/ hoặc suất hao nhiệt tinh yêu cầu tối thiểu.	Nhà thầu EPC thanh toán khoản bồi thường thiệt hại cộng thêm khoản bù đắp do không đạt thông số tối thiểu. Việc không đạt thông số vận hành tối thiểu sẽ ảnh hưởng xấu đến khả năng thu hồi vốn của công ty dự án.
Bất khả kháng	Các sự kiện thiên tai (lũ lụt, động đất), bạo động, đình công...	Rủi ro của nhà bảo hiểm nếu sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm. Nếu không, rủi ro do công ty dự án gánh chịu.

nư than có hàm lượng lưu huỳnh cao để thử nghiệm hệ thống khử lưu huỳnh trong khói thải, thì công ty dự án cần thỏa thuận với đơn vị cung cấp để đảm bảo cung cấp được loại nhiên liệu này trong giai đoạn thí nghiệm chạy thử.

2.6.3. Tiếp quản vận hành nhà máy điện

Đơn vị vận hành được công ty dự án thuê cung cấp dịch vụ vận hành và bảo trì sẽ bắt đầu tham gia từ giai đoạn thực hiện hợp đồng EPC, đặc biệt là giai đoạn thí nghiệm chạy thử nhà máy. Đội ngũ kỹ sư, nhân viên kỹ thuật của đơn vị vận hành sẽ tham gia các khóa đào tạo tại các trụ sở của các nhà chế tạo thiết bị chính tại nước ngoài và sau đó tham gia đào tạo qua các công việc hàng ngày (On-job training) trong giai đoạn thí nghiệm chạy thử.

Trong giai đoạn này, các sổ tay vận hành và bảo trì do nhà thầu EPC trình theo hợp đồng EPC, cần được công ty dự án chuyển cho đơn vị vận hành để lập các quy trình quản lý vận hành hệ thống thiết bị và nhà máy. Ngoài ra, các tài liệu hoàn công, phụ tùng dự phòng, vật tư tiêu hao phục vụ giai đoạn bảo hành nhà máy được nhà thầu EPC cung cấp theo hợp đồng EPC cũng cần được chuyển kịp thời cho đơn vị vận hành để quản lý và lên kế hoạch sử dụng.

2.7. Bảo hiểm

Qua các nội dung trình bày nêu trên, việc phân bổ rủi ro cho các bên và sự cần thiết bảo hiểm cho một số rủi ro nằm ngoài khả năng kiểm soát của các bên được tổng hợp ở Bảng 1.

3. Kết luận

Bài báo chủ yếu tập trung phân tích một số giao diện chính trong giai đoạn thực hiện đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện với mục đích nhấn mạnh sự cần thiết phải quản lý các rủi ro, giao diện hợp đồng để đảm bảo sự lành mạnh tài chính cho công ty dự án.

Theo đó, các rủi ro, giao diện hợp đồng cần thường xuyên được công ty dự án nhận diện, đánh giá và quản lý để loại bỏ các khoảng trống trách nhiệm giao diện giữa các chủ thể hợp đồng. Các rủi ro không thể phân bổ cho các bên liên quan cần được công ty dự án gánh chịu và quản lý bằng các hình thức, phạm vi bảo hiểm thích hợp hoặc bằng cách để dành khoản chi phí dự phòng rủi ro tương ứng. Ngoài ra, công ty dự án cần chú trọng thực hiện đồng bộ việc đàm phán và ký kết các hợp đồng với thời gian thích hợp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý hiệu quả các giao diện hợp đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Michel Kerf, R.David Gray, Timothy Irwin, Celine Levesque, Robert R.Taylor, Michael Klein. *Concessions for infrastructure - A guide to their design and award*. World Bank. 1998.
2. Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn. Điều kiện Hợp đồng FIDIC - Điều kiện hợp đồng nhà máy và thiết kế xây dựng điều kiện hợp đồng dự án EPC chia khóa trao tay. Nhà xuất bản Xây dựng - Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam. 2002.

Management of contract interfaces during investment implementation of thermal power projects

Truong Van Thien

Petrovietnam Long Phu 1 Power Project Management Board

Summary

The investment implementation of a thermal power project involves many stakeholders, among them the principal parties are identified as the project company, the electric utility agencies, the construction contractor, the lenders, the power purchaser, the fuel supplier and the operator. At the core of the project implementation is the project company with whom all the other parties form contractual relations. The roles and obligations of the project company and other parties are defined at the relevant contracts such as the interconnection agreement, the construction contract (EPC contract), the credit agreement, the power purchase agreement, the fuel supply agreement, and the operating and maintenance contract. The success of the project depends mainly upon the performance of the contracts by the involved parties and on the proper management of the contract interfaces by the project company.

This paper presents the main features of the above agreements and contracts, identifies the contract interface issues and associated risks, and highlights the necessity of close management by the project company of the contract interfaces, taking into account the proper allocation of risks and rationally imposing liquidated damages.

Key words: Management of contract interfaces, thermal power project.